

Tư bản hậu công nghiệp và kinh tế học siêu vĩ mô

(Tiếp theo và hết)

NGUYỄN BÌNH GIANG

IV. NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP: ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1. Bản chất FDI hiện đại

Ngay từ những năm 1870, đầu tư ra nước ngoài của nước Anh năm 1872 là 15 tỷ phrăng, năm 1882 là 22 tỷ phrăng, năm 1893 là 42 tỷ phrăng, năm 1902 là 62 tỷ phrăng, năm 1914 là 75-100 tỷ phrăng; đầu tư ra nước ngoài của nước Pháp năm 1869 là 10 tỷ phrăng, năm 1880 là 15 tỷ phrăng, năm 1902 là 27-37 tỷ phrăng, năm 1914 là 60 tỷ phrăng; đầu tư ra nước ngoài của nước Đức năm 1902 đạt 12,5 tỷ phrăng, năm 1914 tăng lên 44 tỷ phrăng.⁸

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, luồng FDI của Mỹ vào châu Âu và Nhật tăng lên. Thậm chí khi hiệp ước Bretton Woods bị xoá bỏ, những rủi ro về tỷ giá hối đoái không làm giảm dòng FDI. Hiện tượng FDI không ngừng tăng lên đã thu hút sự chú ý của các nhà kinh tế. Sự gia tăng các dòng FDI là một đặc điểm quan trọng của nền kinh tế hiện đại.

Có nhiều định nghĩa về FDI, song tựu trung lại, FDI là hiện tượng một doanh nghiệp đưa các tài sản trực tiếp hoạt động kinh doanh ở nước ngoài và giành quyền định đoạt thành quả đạt được. FDI thể hiện rằng, đối với một nhà đầu tư, các tạo phẩm phi vật thể do nhà đầu tư đó tạo ra cho các hàng hóa và dịch vụ có vai trò quan trọng, khiến họ phải tự thân làm việc đó ở môi trường địa lý khác. Những lợi ích do những tạo phẩm phi vật thể được FDI tạo ra lớn hơn rất nhiều những gì mà hoạt động thương mại đơn thuần đem lại, vì giá trị thương hiệu của một hãng lớn hơn nhiều lần tổng giá trị của các tài sản hữu hình của hãng đó. Sở dĩ cần phải đầu tư trực tiếp vì

những tạo phẩm phi vật thể được tạo ra phải gắn với tên tuổi của một hãng. Có những hoạt động không thể mua đứt bán đoạn như trong thương mại vì còn liên quan tới những tạo phẩm phi vật thể, mà đòi hỏi phải có sự giám sát chặt chẽ các quy trình thì mới bảo đảm được các yêu cầu đó, phải bảo đảm được những nền tảng cơ bản để các tạo phẩm phi vật thể mới có thể cài vào được các hàng hóa và dịch vụ. Không phải gắn nhãn mác vào là chuyển tải được các tạo phẩm phi vật thể gắn liền với nó. Một hãng không thể đưa được các tạo phẩm phi vật thể của mình vào những hàng hóa mua đi bán lại được. Sở dĩ người ta dùng đầu tư mà không dùng thương mại để có được những hàng hóa chất lượng tương đương là do buộc phải giữ các tạo phẩm vô hình, và thu được tiền thêm từ các tạo phẩm vô hình của họ. Sự thâm nhập của tư bản hậu công nghiệp khiến cho FDI trở nên hình thức có lợi, thu được nhiều lợi nhuận hơn.

Sự đa dạng và bất cập của các lý thuyết về FDI hiện nay đã thể hiện rằng, cần phải có những quan niệm mới để có thể phản ánh được bản chất của FDI hiện đại. Các học thuyết đó không thể hiện được rằng hiện nay, các xã hội khác nhau chịu sự chi phối ở những trình độ khác nhau của nền kinh tế hậu công nghiệp. FDI là một trong những dạng đầu tư quan trọng trong nền kinh tế thế giới hiện nay mà nó thể hiện những hình thái mới, buộc người ta phải tính đến những hiệu quả không bình thường theo những lý giải trước đây. Đó là nhằm thực hiện việc tạo ra các tạo phẩm vật thể một

Nguyễn Bình Giang, Công ty Tập đoàn Bắc Hà.

8. Sđd: tr 457.

cách chủ động, và tạo ra các tạo phẩm phi vật thể thích ứng được với những môi trường khác nhau theo những nước khác nhau trên thế giới.

Vốn tư bản không còn là một thứ thuần nhất, mà có những bước phát triển thành đẳng cấp khác nhau và đã thể hiện các dòng tư bản công nghiệp và các dòng tư bản hậu công nghiệp vận động theo những chiều hướng khác nhau. Việc phát triển những hình thái khác nhau của các dòng vốn buộc người ta phải từ bỏ cách nhìn dòng vốn theo một dạng thuần túy nào đó mà có thể dẫn đến các hậu quả mâu thuẫn không thể điều hoà được, và dẫn đến những bế tắc không thể phát triển theo những hướng khác nhau. Có như vậy mới thấy được thực chất FDI là như thế nào, có thể tìm ra được các cách thức có hiệu quả để đánh giá và nhìn nhận các dòng FDI khác nhau.

Bản chất của FDI là sự lan toả tư bản hậu công nghiệp vượt qua giới hạn không gian và thời gian và tư bản hậu công nghiệp chèn ép các tư bản cũ, buộc chúng phải tìm không gian mới để duy trì sự tồn tại của chúng với tư cách là tư bản. Dòng vốn vào các nước phát triển có tính chất khác hẳn dòng vốn vào các nước đang phát triển. Dòng vốn vào các nước phát triển là dòng vốn hậu công nghiệp nhằm tạo nên các tạo phẩm phi vật thể, hay các sản phẩm vật thể chứa đựng các tạo phẩm phi vật thể ở tầng mức cao; dòng vốn vào các nước đang phát triển là dòng tư bản công nghiệp để tạo nên các tạo phẩm vật thể. Việc sản xuất ra các tạo phẩm phi vật thể mang tính thương mại là công việc của mỗi doanh nghiệp, và doanh nghiệp đó phải tự mình thực hiện phần chủ yếu, không thể giao cho người khác. Vì thế khi một doanh nghiệp muốn tạo phẩm phi vật thể đó hiện diện ở nước nào thì họ phải tiến hành đầu tư trực tiếp vào nước đó. Dưới góc độ này, chúng ta biết được những yếu tố mới của đầu tư trực tiếp của nước ngoài, biết được sự vận động hai chiều của đầu tư.

Thực chất của việc FDI vào các nước khác là nhằm phục vụ chính quyền lợi của các nước tiến hành đầu tư thông qua hoạt động của các doanh nghiệp tiến hành đầu tư. Các công ty đa quốc gia tiến hành đầu tư cũng thực hiện công việc phổ biến như vậy. Mục đích của đầu tư trực tiếp là để dùng các sức mạnh phi vật thể mới để khống chế, để đạt được quyền chi phối hưởng thụ các thành quả của mình với mức độ cao, được bảo đảm, và dón những khó khăn, những vấn đề nan giải về môi trường, về sự thiếu thốn các tài nguyên, đặc biệt là đất đai, và sự thiếu thốn nhân lực các ngành nghề nhất định vào những không gian lãnh thổ khác.

2. Động thái của FDI hiện đại

Bất kỳ nước nào cũng có nhiều loại tư bản như tư bản công nghiệp, tư bản tài chính, và tư bản hậu công nghiệp cùng tác động. Trong một giai đoạn nhất định, các tư bản khác nhau này đấu tranh và hợp tác với nhau, tạo nên một sự phân công nhất định.

Đối với bất kỳ một nước nào, một FDI phải tạo ra được những tạo phẩm vật thể và phi vật thể mà nước đó chưa từng tạo ra, hoặc ít ra ngang bằng trình độ với những tạo phẩm vật thể và phi vật thể mà nước đó đã tạo ra, nếu không làm như vậy thì FDI đó không có chỗ đứng trên nước ấy. FDI kích hoạt quá trình sản sinh ra những dạng hoàn toàn mới của các tạo phẩm vật thể và phi vật thể, và điều quan trọng là phải làm cho xã hội nước đó chấp nhận được.

Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là một công cụ thực hiện sự cân đối về các tạo phẩm vật thể mà một nước không thể có được do những hạn chế về điều kiện tự nhiên, nội lực của chính họ. Chính nước đó có những khuyến khích, ưu đãi những ngành công nghiệp ra nước ngoài và tiến hành những bảo đảm đầu tư bằng nhiều con đường, đặc biệt là ở tầm vĩ mô, cần đạt được các bảo đảm từ phía chính phủ để việc làm ăn và đối xử với nhau như là các doanh nghiệp bản địa. Vấn đề là những điều kiện hoạt động của các doanh nghiệp này là tốt

nhất. Các nhà đầu tư phải chọn những nơi đầu tư mà trình độ nhân lực và các nguồn lực khác phải bảo đảm được tiến trình hoạt động bình thường, mà lại phải có thể đáp ứng những nhu cầu về cơ cấu kinh tế của các nước mà nhà đầu tư có liên quan. Nước tiếp nhận đầu tư phải cung ứng được những nguồn lực đó.

a. Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ nước phát triển vào nước phát triển

Các nước phát triển rất cần tư bản để đầu tư vào những lĩnh vực hậu công nghiệp mới đang mở rộng trước họ. Các nước phát triển có những tạo phẩm hậu công nghiệp có sức mạnh xã hội chi phối đời sống kinh tế xã hội ở mức cao hơn các nước đang phát triển, như hệ thống pháp luật, ý thức của người dân về các vấn đề an toàn và an ninh, trình độ dân trí, cơ sở hạ tầng, mức sống, và các nước này nắm được nhiều bí quyết để nền kinh tế hậu công nghiệp tạo ra các tạo phẩm phi vật thể hơn các nước đang phát triển. Vấn đề ở đây không phải là đáp ứng nhu cầu mà là tạo ra nhu cầu mới, nhu cầu đó tồn tại không lâu, chỉ có những người chủ động tạo ra nhu cầu mới có thể thu lợi được cho nhu cầu đó. Một khi tạo ra được những tạo phẩm vật thể hay phi vật thể mới mà đáp ứng được nhu cầu của các nước phát triển nào đó, thì có cơ hội lan toả sản phẩm đó sang các nước phát triển khác với những cải biên phù hợp với nước phát triển đó. Đối với các xã hội khác nhau, tư bản hậu công nghiệp tạo ra những tạo phẩm phi vật thể mới phải thay đổi hình thái cho phù hợp với truyền thống của mỗi xã hội. Mỗi nước có những nhu cầu về các tạo phẩm vật thể và phi vật thể đặc thù ngày càng trở nên tinh tế và sâu sắc hơn và có cách thức tạo ra các tạo phẩm phi vật thể đặc thù, nên chỉ thâm nhập được vào trong nước đó mới có thể thu được lợi nhuận và những lợi ích khác.

Mỗi nước phát triển đều có rất nhiều rào cản đối với các nước khác về việc tiếp cận các thành quả khoa học công nghệ, các tầng mức mới của tri thức về những thứ phi vật

thể tác động đến cuộc sống, nên việc đạt được các thành quả khoa học công nghệ mới đó chỉ có thể là do các công ty nào đó có được. Một trong những cách đạt được bí quyết của một công ty là mua chính công ty đó. Việc FDI vào các nước phát triển là để đạt được, và nắm được việc tạo ra các tạo phẩm phi vật thể mới. Việc đầu tư trực tiếp vào các nước đang phát triển hoặc phát triển kém hơn là để giải quyết việc vật hóa các tạo phẩm phi vật thể. Những hãng thành đạt ở các nước đang phát triển tìm cách tạo chỗ đứng ở các nước phát triển, lấy thực tiễn ở đây để giải quyết những vấn đề của chính các nước phát triển.

Các doanh nghiệp tiến hành đầu tư ra nước ngoài là một bộ phận kinh tế của nước phát triển đó, và họ phục vụ thị trường ở nước đó một cách chủ động. Chính các nước tiếp nhận đầu tư cũng rất khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài xuất khẩu các sản phẩm của mình, thậm chí bắt buộc phải xuất khẩu lượng sản phẩm nhất định.

Các nước phát triển giữ các đẳng cấp tư bản hậu công nghiệp ở mức cao. Việc FDI từ các nước phát triển sang các nước khác cả phát triển lẫn đang phát triển là nhằm bảo đảm việc cung cấp liên tục, kiểm soát được các tạo phẩm vật thể mà nước phát triển đó có nhu cầu. Điều này thể hiện là các doanh nghiệp Nhật Bản ở Trung Quốc xuất khẩu về Nhật Bản số lượng lớn hàng hóa được sản xuất ra.

Ngay cả các biện pháp chống phá giá mà nước phát triển thi hành là để bảo vệ quyền lợi của những nhà đầu tư trong nước đầu tư ra nước ngoài để mang hàng về phục vụ thị trường trong nước, họ được hưởng quyền lợi và lợi nhuận thích hợp.

b. Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ nước đang phát triển vào nước phát triển

Thực tiễn đã cho thấy rằng việc thâm nhập vào thị trường các nước phát triển là một thành công lớn, nhưng đầu tư được vào những nước phát triển còn là thành công lớn

hơn nữa. Nước đang phát triển đầu tư vào một nước phát triển thì là có cơ hội để đạt được tầm mức tạo phẩm vật thể hàm chứa những thứ phi vật thể mà nước phát triển đó chấp nhận. Các nước đang phát triển tiếp nhận những nguồn đầu tư có những mục đích hẳn hoi, và tìm mọi cách tận dụng để thâm nhập được vào những lĩnh vực của nền kinh tế ở các nước phát triển hơn.

Các nước đang phát triển có những nguồn nhân lực, những phong cách suy nghĩ, những tri thức để có thể tạo ra được những tạo phẩm vật thể phục vụ được các nước phát triển thì cần phải thâm nhập vào chính các nước đó, sử dụng các nguồn lực ở ngay nước đó thì mới thực hiện được bước thâm nhập này, mới có thể bước lên được những đẳng cấp mới của tư bản.

Các nước đang phát triển đầu tư vào các nước phát triển trong những lĩnh vực mà có các tạo phẩm phi vật thể có giá trị được coi trọng, trong khi các nước đang phát triển lại không coi trọng giá trị đó, do không đánh giá được hết những dạng phi vật thể tiềm ẩn trong đó. Chẳng hạn như các lĩnh vực bản quyền, sở hữu trí tuệ thì các nước phát triển có những biện pháp bảo vệ hữu hiệu, còn các nước đang phát triển thì không. Ví dụ, một công ty phần mềm máy tính ở một nước đang phát triển đưa ra một sản phẩm đóng gói thì sản phẩm đó bị sao chép bất hợp pháp ngay, vì thế nhà sản xuất không thể có khả năng thu hồi vốn mà tiếp tục phát triển. Những năng lực tạo ra tạo phẩm phi vật thể cần có một môi trường nhất định mới phát huy được tác dụng. Ngay trong lĩnh vực chế tạo thì những kỹ sư ở những nước phát triển có nhiều kinh nghiệm và khả năng giải quyết những vấn đề mà kỹ sư các nước kém phát triển hơn giải quyết, nên các nước đang phát triển đầu tư vào nước phát triển khi họ thấy rằng mình có khả năng tạo ra được những tạo phẩm phi vật thể phát huy được tác dụng ở các nước đó hơn là ở trong nước của mình.

Đúng trên góc độ tạo ra các tạo phẩm phi vật thể thì thấy ngay được chiều đầu tư này. Khi các nhà đầu tư vào một nước, họ cũng mang theo thương hiệu của họ vào và giá trị của thương hiệu có những vấn đề mới.

c. Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ nước phát triển vào nước đang phát triển

Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài là cách doanh nghiệp bảo toàn vốn hữu hiệu, để cứu những tư bản đáng phải chết trong việc cạnh tranh, đặc biệt là các ngành công nghiệp nằm trong tình trạng suy thoái, dồn năng lực của doanh nghiệp vào những lĩnh vực tạo ra các tạo phẩm phi vật thể kinh tế xã hội. Các nước phát triển rơi vào tình trạng thiếu nhân công, và trong nước đó có rất nhiều nhu cầu của người giàu nảy sinh đòi hỏi phải phát triển nhiều dịch vụ mới mà chỉ có thể dùng những người của nước họ, vì chỉ những người quen thuộc với ngôn ngữ, văn hóa mới có thể làm được, như chăm sóc người già. Các nước phát triển có nhiều ngành công nghiệp thuộc loại "xế chiều" do công nghệ lạc hậu, không đáp ứng được những tiêu chuẩn môi trường mới, do không đủ lực lượng lao động giá rẻ để khai thác chúng có hiệu quả, trong khi đó, xã hội vẫn cần có những sản phẩm do ngành công nghiệp đó đem lại. Vì thế phải chuyển sang nước ngoài kém phát triển hơn. Có thể nói phần nhiều trong số đó là những tư bản "giấy chết", nên việc kéo dài tuổi thọ của chúng là điều cần phải làm.

Các nước phát triển không dễ chuyển giao các công nghệ nguồn, công nghệ cao chuyển sang các nước đang phát triển là những thứ còn có khả năng sinh lợi cao trên đất nước họ. Tư bản hậu công nghiệp chèn ép buộc các tư bản cũ phải tìm nơi đầu tư sinh lợi. Đó là những tư bản không có tầm lan toả mà phải sử dụng những điều kiện có chi phí thấp hơn để sinh lợi. Khi đưa hàng hóa do các doanh nghiệp FDI thực hiện trở lại các thị trường chính quốc thì chúng có khả năng tận dụng được những tạo phẩm

phi vật thể mà công ty đầu tư đã tạo dựng ở chính quốc.

Việc thực hiện FDI là giành quyền bảo đảm các nguồn cung liên tục cho nước phát triển. Vì thế, cơ cấu FDI của họ phải tham gia thành thể thống nhất với cơ cấu kinh tế nội tại của nước đó.

Những nước có nền kinh tế hùng mạnh họ có thể xét vấn đề cơ cấu kinh tế mang tính toàn cầu vì họ có thể khống chế, bảo đảm sự vận hành của các nền kinh tế khác phụ thuộc họ theo đúng ý đồ của họ, và họ có công cụ mạnh để làm được việc đó. Việc thiết lập luật chơi phục vụ mục đích của họ trên khắp thế giới là điều mang lại lợi ích cho chính họ. Trình độ phát triển cao của nền kinh tế thị trường đã cho phép họ có nhiều công cụ để làm việc đó một cách gián tiếp hay trực tiếp. Họ đã làm cho việc mời gọi FDI trở thành một thứ mà các nước kém phát triển hơn phải tranh giành với nhau, nước nào cũng tìm cách tạo ra những ưu đãi thuận lợi nhất theo những điều kiện kinh tế xã hội của mình có đối chiếu so sánh với các nước khác. Họ có tiềm lực làm cho một nước lớn như Trung Quốc phục vụ cho chính họ, nhưng Trung Quốc thấy đó là việc làm mang lợi ích là đẩy nhanh được tiến trình công nghiệp hóa của Trung Quốc.

Điều dễ hiểu là tại sao các nước phát triển cấp viện trợ ODA cho các nước đang phát triển - là để bảo đảm dòng hàng hóa được cung cấp từ nước ngoài phục vụ lợi ích của chính họ cũng được nhanh chóng và thuận lợi như chính hàng hóa được sản xuất trong nước. Các nước phát triển đưa tư bản đến gần nguồn nguyên liệu, gần nơi cung ứng lao động với giá rẻ.

Lợi nhuận của việc đầu tư trực tiếp ra nước ngoài chuyển về nước là một yếu tố làm tăng mức sống của dân chúng ở nước phát triển trong việc tạo ra và hưởng thụ các thành quả phát triển.

Động thái của FDI là ở chỗ đưa những thứ giá trị thấp ra bên ngoài, rồi nhập lại chúng thì thêm vào những giá trị vô hình

mới, hoặc là đưa những thứ vô hình ra được bên ngoài. Việc thực hiện FDI là tiền đề để các tạo phẩm phi vật thể của một hãng đặt chân vào nước đang phát triển mà sẽ đem lại những lợi ích to lớn sau này, khi nước đang phát triển đó trở nên giàu có hơn.

d. Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ nước đang phát triển vào nước đang phát triển

Các nước đang phát triển đầu tư vào nhau nhằm mục đích tạo nên những tạo phẩm vật thể đáp ứng những nhu cầu của nước đang phát triển đó, mà tên tuổi, nhãn mác không là điều đáng quan tâm. Người ta cần hàng hóa để phục vụ cho những nhu cầu thông thường của xã hội đang phát triển, khi tính vật thể được đề cao. Việc đầu tư mở rộng sản xuất sang nước ngoài là để khắc phục những trở ngại mà thương mại gây ra.

Các nước đang phát triển thâm nhập vào các góc ngách của thị trường ở các nước khác nhận đầu tư. Còn những sản phẩm mà chuyển về nước đi đầu tư là do hoàn cảnh tự nhiên và xã hội mà nước đi đầu tư không dễ sản xuất ra loại sản phẩm đó, như không có nguồn nguyên liệu hay không có những điều kiện đầu vào khác.

Việc thực hiện FDI ra nước ngoài để tích góp thêm tư bản mà từ đó tìm cách đưa tư bản đó lên ngang tầm của mình vươn tới những đẳng cấp cao hơn.

e. Nhận xét chung

Động thái của FDI thể hiện mối tương quan của các loại tư bản hậu công nghiệp ở các đẳng cấp khác nhau. Từ những phân tích trên đây có thể thấy rằng chiều hướng dòng FDI công nghiệp chuyển từ nơi có một mức tạo phẩm phi vật thể cao sang nơi có mức tạo phẩm phi vật thể thấp hơn; dòng FDI hậu công nghiệp chuyển từ nơi có một mức tạo phẩm phi vật thể thấp sang nơi có mức tạo phẩm phi vật thể cao hơn.

Một dự án FDI chuyển từ nơi này sang nơi khác phải đạt được mức nhất định về những thứ vật thể và phi vật thể nhất định

ở mức nào đó ở nước tiếp nhận thì mới có cơ hội tồn tại được. FDI có thể làm cho tiến trình công nghiệp hóa ở một nước đang phát triển được rút ngắn, nhưng để nước đó hiện đại hóa thì cần phải có những nỗ lực tự thân vươn lên những lĩnh vực có mức tạo phẩm phi vật thể cao hơn.

Điều này lý giải tại sao các nước đang phát triển mong muốn sự lan toả của FDI, nhưng điều đó không xảy ra, vì dòng FDI vào các nước đang phát triển là các loại tư bản cũ, hay các loại tư bản hậu công nghiệp đẳng cấp thấp không có tầm lan toả bị các loại tư bản hậu công nghiệp đẳng cấp cao hơn chèn ép phải ra đi.

Đầu tư nước ngoài đóng một vai trò quan trọng trong việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Những thứ doanh nghiệp Việt Nam không thể làm được trong ngắn hạn thì người ta khuyến khích đầu tư, thậm chí với các mức ưu đãi đặc biệt. Thông thường những lĩnh vực này có nhiều rủi ro đối với các doanh nghiệp Việt Nam nếu muốn tự dấn thân vào. Việc lập nên danh mục những lĩnh vực khuyến khích đầu tư cho thấy rằng đó là những lĩnh vực đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn, bí quyết công nghệ hay khả năng nắm được những nguồn nguyên vật liệu mà Việt Nam không thể dễ dàng có được, phụ thuộc bấp bênh vào bên ngoài. Cơ cấu kinh tế ngành của Việt Nam còn thiếu rất nhiều ngành quan trọng, cho nên khó có thể phát triển bền vững, thậm chí ngay cả khi đã tiến hành hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới.

Như thế người ta thấy rằng đầu tư nước ngoài là một nguồn bổ sung quan trọng cho việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế của Việt Nam, làm cho cơ cấu kinh tế của Việt Nam trở nên hoàn chỉnh và có thể đáp ứng được những nhu cầu nội sinh của nền kinh tế.

3. Mô hình hóa FDI

Các lý thuyết về FDI nặng về tính vật thể của các vật phẩm không giải thích được hai chiều của FDI hiện nay. Một mặt lượng đầu tư đổ vào nước đã phát triển rất mạnh,

trong đó lượng đổ về các nước đang phát triển ít hơn nhiều, không giải thích được sự bảo hộ thương mại trong những ngành mà các nước đang phát triển chiếm ưu thế như các ngành trong lâm ngư nghiệp. Các lý thuyết này không thấy được thực chất có hai dòng đầu tư: dòng đầu tư nước ngoài của tư bản công nghiệp và dòng đầu tư nước ngoài của tư bản hậu công nghiệp, mà mỗi dòng có những động thái riêng biệt, có những tác động đặc thù đối với nền kinh tế, thậm chí rất khác nhau. Dòng đầu tư trực tiếp của tư bản hậu công nghiệp có những kết quả mà quan niệm về dòng đầu tư nước ngoài của tư bản công nghiệp không thể thấy được.

Chúng ta vận dụng công thức (4):

$$C = C_1 + V_1 + M_1 + C_2 + V_2 + M_2 + P$$

trong việc xem xét FDI.

Đối với trường hợp đầu tư trực tiếp của nước ngoài, công thức này cho phép diễn giải được hai chiều của đầu tư. Với những nhà tư bản nào có khả năng tạo ra được p_k thì họ sẽ chuyển đầu tư sang những nơi mà có Σp_k cao, dù rằng ở đây $V_1 + V_2$ có cao. Phân tích kỹ hơn tình hình này, ta thấy rằng nếu những ngành nghề không có p_k , hay p_k quá thấp thì để có lợi nhuận, tư bản phải có sự dịch chuyển sang những nơi mà $V_1 + V_2$ thấp. Vì vậy, những doanh nhân nào tạo ra được p_k thì họ chuyển tư bản sang những nơi có Σp_k , còn nếu không tạo ra được p_k thì họ chuyển sang những nơi mà $V_1 + V_2$ thấp dù là ở những nước đã phát triển hay đang phát triển. Với $C_1 + C_2$ không đổi, nếu $V_1 + V_2$ cao thì m sẽ nhỏ đi, nên người ta phải chuyển sang nơi có $V_1 + V_2$ thấp.

Chúng ta phân tích các động thái của tư bản hậu công nghiệp mà có thể thấy được động thái phát triển của FDI.

Có những tư bản hậu công nghiệp ở những tầng mức khác nhau mà không thể thâm nhập vào nhau. Việc phân tích các số hạng p_k và các động thái của chúng trong những xã hội khác nhau với những giai đoạn khác nhau là công việc rất lý thú, vì các p_k thể hiện môi trường mà các loại tư

bản có thể hoạt động được hay không và có thể gia tăng sức mạnh của chúng như thế nào. Không thể có tư bản hậu công nghiệp nếu không có luật về bảo vệ bản quyền, không thể có biện pháp chống lại hàng nhái, hàng giả.

Trong công thức:

$$C = C_1 + V_1 + M_1 + C_2 + V_2 + M_2 + P$$

các C_1, C_2, V_1, V_2, P có các động thái sơ bộ sau.

Trong thời đại hậu công nghiệp, có những C_1 có thể tiếp nhận một C_1 mới, chẳng hạn các máy tính có thể tiếp nhận mô-đem để có thể thực hiện liên lạc viễn thông hoặc tiếp nhận các thanh bộ nhớ mới, hoặc là một chiếc máy có thể tiếp nhận thêm một công đoạn mới. Có những C_1 không thể tiếp nhận C_2 . Có C_1 có thể tiếp nhận C_2 , thậm chí có thể tiếp nhận nhiều loại C_2 khác nhau. Chẳng hạn một máy tính có thể tiếp nhận rất nhiều loại phần mềm khác nhau, rất nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau. Với mỗi loại C_2 thâm nhập vào C_1 có những bước đột phá để tạo nên được một tạo phẩm mới làm được rất nhiều việc hoàn toàn mới, làm được rất nhiều việc mà trước đây tạo phẩm cũ không làm được. Nhưng không chỉ có vậy. Thời đại hậu công nghiệp tạo nên được những kết hợp vượt giới hạn không gian và thời gian nên việc một C_1 tiếp nhận được một C_2 nào đó không có nghĩa là C_2 luôn luôn phải thường trú trong C_1 , mà còn có trường hợp ở ngoài nhưng làm được công việc phối thuộc vào nhau vào những lúc cần thiết. Chẳng hạn những khoản tiền lớn được đổ vào quảng cáo gắn liền với những sản phẩm do C_1 tạo nên.

V_1 và V_2 cũng có những bước phát triển mới. Nếu như V_1 ngày càng trở nên đơn giản, thì V_2 lại đòi hỏi một quá trình đào tạo, nghiên cứu đặc biệt để hình thành khả năng sáng tạo và phát huy tác dụng. Không phải lúc nào V_2 cũng hoạt động có hiệu quả được. Phải có những điều kiện nhất định thì V_2 mới hoạt động có hiệu quả được.

Sự thống trị của C_2 với C_1 thể hiện ở chỗ C_2 có thể dễ dàng chuyển sang C_1 , song C_1 không phải lúc nào cũng chuyển sang được C_2 .

Các p_k được hình thành do nhiều con đường khác nhau, khi thì do pháp luật, khi thì là uy tín của doanh nghiệp đạt được do nỗ lực không mệt mỏi của doanh nghiệp từ ngày này sang ngày khác, khi thì do những biến đổi đột biến của xã hội, nhiều khi là một thành quả chung của nền văn minh nhân loại, chẳng hạn như ý thức ăn sạch, ở sạch của con người sẽ đòi hỏi các vật phẩm có những dạng phi vật thể mới. Động cơ được làm nguội bằng không khí thay vì bằng nước do Soichiro Honda, ông tổ của hãng Honda, bỏ ra rất nhiều công sức và tiền của để thiết kế hầu như không thể có giá trị thương mại vì giá đắt, nhưng khi luật Môi trường mới của Mỹ ban hành thì loại động cơ này bán được số lượng lớn ở Mỹ.

Tất cả những p_k này tham gia vào quá trình tạo nên một bộ phận có giá trị đặc biệt trong tư bản hậu công nghiệp. Đây là điểm đặc biệt khác của tư bản hậu công nghiệp so với tư bản công nghiệp và những loại tư bản trước đó. Trong các p_k đó, có những giá trị p_k vô hiệu hóa hoạt động của các loại C_1, C_2 nào đó, có những giá trị p_k khiến cho loại V_1, V_2 nào đó không hoạt động được. Có những loại p_k là hàm của các C_1, C_2, V_1, V_2 , hàm này có thể có tác động làm tăng trưởng hay làm thu hẹp. Có những loại p_k có vai trò độc lập. Để thấy được những yếu tố này, chúng ta xem xét đạo luật chống bán phá giá, ... đã đem lại cho các doanh nghiệp Mỹ những gì.

Khi doanh nghiệp Mỹ tiến hành FDI ở nước ngoài, hàng hóa chất lượng tương đương với hàng hóa sản xuất ở nước Mỹ được chuyển vào Mỹ và được bán với giá bằng với giá ở thị trường Mỹ. Hàng hóa nước ngoài cũng được bán với giá như vậy. Như thế khả năng cạnh tranh bằng giá cả là không được thực hiện. Tình hình gì sẽ xảy ra? Đối với doanh nghiệp Mỹ, khi mà rất thông thạo trong việc tạo ra những dạng phi vật thể liên quan tới hàng hóa, "Cái giá trị mà công ty Nike chẳng hạn đang tạo ra, không phải là nguyên liệu làm ra những đôi giày của nó mà là cái nền văn

hóa gắn liền với nó"⁹, người ta mua hàng là mua những thứ phi vật thể liên quan tới hàng hóa có giá thành rẻ lại được bán giá cao, cho nên uy tín và thương hiệu được bảo đảm nếu vẫn được người tiêu dùng chấp nhận tiêu thụ. Hàng hóa của nước khác muốn bán được ở Mỹ mà bán với giá như hàng hóa cùng loại của Mỹ thì không thể bán được hàng, lại phải liên kết với một tên tuổi nào đó ở Mỹ từ ngay chính nước bản địa của mình thì mới bán lại được giá như vậy, còn bán với giá rẻ hơn vào Mỹ thì bị kiện ngay. Như vậy, hãng nước ngoài buộc phải chịu phụ thuộc vào Mỹ ngay từ bên sân nhà mình, chịu sự chi phối của tên tuổi của Mỹ. Đạo luật đó đã tạo nên được sự kết hợp các hãng nước ngoài với các hãng của Mỹ và chịu sự chi phối của các hãng Mỹ. Đạo luật đó hút những tinh hoa FDI của nước ngoài trong việc tạo nên các tạo phẩm vật thể và phi vật thể vào Mỹ, vì Mỹ là nơi tập trung tinh hoa của mọi tinh hoa. Đạo luật đã tạo ra một ưu thế của các công ty ở Mỹ đối với các công ty nước khác. Dòng FDI vào Mỹ bao giờ cũng lớn nhất trên thế giới.

Vì tiến trình phát triển đem lại sự thống trị của nền kinh tế hậu công nghiệp, nên các p_k làm gia tăng sự thống trị của các C_2 , V_2 , mở đường cho chúng phát huy tác dụng. p_k này ở tầng mức quốc gia có một độ đo là "sự hấp dẫn".

Nếu như các p_k gây cản trở cho sự phát triển của tư bản hậu công nghiệp thì việc tháo gỡ các rào cản là việc phải thực hiện nếu nền kinh tế không muốn bị sụp đổ, nên mọi chính phủ đều mong muốn loại bỏ các rào cản đó, nên chúng ta tập trung khảo sát trường hợp những rào cản đã được giảm xuống để các C_2 , V_2 có thể vận động được. Trong đó ta xem xét các p_k theo khả năng làm gia tăng hay thu hẹp sự phát triển của tư bản hậu công nghiệp. Có rất nhiều yếu tố tham gia vào p_k , trong đó có dân số, khả năng thanh toán, mức sống có những vai trò nhất định.

Chúng ta khảo sát một số tình huống vận động của tư bản trong một lĩnh vực

kinh tế song hành cả tư bản công nghiệp lẫn tư bản hậu công nghiệp trong một nước như sau:

a. C_1 ít, C_2 ít:

Có những C_1 không thể tiếp nhận được C_2 . Trong trường hợp này chỉ có V_1 hoạt động được, còn V_2 không hoạt động. Như vậy V_2 sẽ được chuyển tới những nơi có thể dùng đến nó, đây là trường hợp đầu tư từ các nước đang phát triển sang các nước phát triển.

- Có đủ V_1 , không có đủ V_2 . Trong trường hợp này, việc chuyển tiếp nhận các C_1 mà tiếp nhận được các C_2 , ăn nhập được với các C_2 là điều không thể thực hiện được. Như vậy có những V_1 có thể hoạt động được nên chỉ tiếp nhận được những gì tương xứng với chúng. Trong trường hợp này FDI là một yếu tố quan trọng để phát triển. Việc phát triển V_2 là yêu cầu tất yếu để phát triển nền kinh tế hậu công nghiệp.

- Có đủ V_1 , có đủ V_2 . Trong trường hợp này, có thể tiếp nhận được các C_1 có khả năng tiếp nhận được C_2 theo con đường thương mại hay FDI. Hoặc là V_2 có thể chuyển sang những nơi mà có C_2 có thể cần đến nó.

b. C_1 nhiều, C_2 ít:

- V_1 nhiều hơn mức cần thiết, V_2 ít hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, cần tiếp nhận nhiều C_1 để phát triển, muốn vậy phải phát triển p_k theo một chiều hướng rộng mở hơn. Nhưng việc đưa C_2 vào bị hạn chế sử dụng.

- V_1 nhiều hơn mức cần thiết, V_2 nhiều hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, V_2 sẽ chuyển sang các nước khác, hoặc là tiếp nhận C_2 vào một cách chủ động.

- V_1 ít hơn mức cần thiết, V_2 nhiều hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, C_1 phải chuyển sang những nơi mà có V_1 nhiều, C_2 có điều kiện phát triển hơn ở những nơi mà V_2 có hiệu quả nhất. Có những trường hợp V_2 nhiều ở trên mức mà xã hội nước đó có khả năng sử dụng.

9. Danny T. Quah, Người đưa tin Unesco, số 12-1998, tr 8.

- V_1 ít hơn mức cần thiết, V_2 ít hơn mức cần thiết. Khi đó việc sử dụng C_1 và C_2 hạn chế, khó có khả năng hấp thụ tư bản vào.

c. C_1 nhiều, C_2 nhiều:

- V_1 nhiều hơn mức cần thiết, V_2 ít hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, người ta cần phải đầu tư C_2 ra bên ngoài để có thể thu hút được các nhân lực làm được các công việc của C_2 . Như thế người ta đầu tư sang các nước phát triển, hoặc những nước đang phát triển nào đó có nguồn nhân lực V_2 dư thừa, chưa sử dụng được.

Người ta tiến hành thu hút C_1 từ bên ngoài vào để sử dụng V_1 dư thừa có hiệu quả hay chuyển những C_2 sang C_1 .

- V_1 nhiều hơn mức cần thiết, V_2 nhiều hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, việc thu hút từ bên ngoài vào các C_1 , C_2 để sử dụng V_1 và V_2 được hiệu quả.

- V_1 ít hơn mức cần thiết, V_2 nhiều hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, người ta đầu tư C_1 ra bên ngoài, và khuyến khích các nguồn đầu tư C_2 vào.

- V_1 ít hơn mức cần thiết, V_2 ít hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, người ta buộc phải thực hiện FDI chuyển cả C_1 và C_2 sang cả các nước mà có những V_1 , và C_1 đáp ứng được công việc.

d. C_1 ít, C_2 nhiều:

- V_1 nhiều hơn mức cần thiết, V_2 ít hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, người ta thu hút đầu tư C_1 sang, hoặc chuyển C_2 thành C_1 .

- V_1 nhiều hơn mức cần thiết, V_2 nhiều hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, người ta thu hút đầu tư cả C_1 và C_2 .

- V_1 ít hơn mức cần thiết, V_2 nhiều hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, người ta đầu tư ra bên ngoài cả C_1 , và thu hút đầu tư C_2 .

- V_1 ít hơn mức cần thiết, V_2 ít hơn mức cần thiết. Trong trường hợp này, người ta đầu tư ra bên ngoài cả C_1 và C_2 .

FDI có những đẳng cấp khác nhau, hoặc là tồn tại hay không tồn tại thì họ có những

chấp nhận các điều kiện khắt khe do nước chủ nhà đưa ra. Nhưng loại FDI có phương hướng phát triển thu lợi, thu lợi tối đa thì lại kén nước chủ nhà.

V. THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

1. Thách thức

Hiện nay có sự nô dịch mới của các nước phát triển đối với các nước đang phát triển về công nghệ, một biểu hiện của sự thống trị của tư bản hậu công nghiệp đối với các nước kém phát triển hơn. Tư bản hậu công nghiệp để cho các nước đó độc lập về mặt chính trị, độc lập về mặt điều hành kinh tế vĩ mô một khi còn có hiệu quả để tiếp nhận được và sử dụng có hiệu quả các nguồn FDI nhằm bảo đảm được những nhu cầu của thế giới, nhất là của các nước phát triển về sản phẩm ngày càng đa dạng, nhưng tiến trình phát triển đó dẫn tới phụ thuộc sâu hơn vào tư bản hậu công nghiệp.

Nhiều hội bí mật ở các nước hoạt động ra khỏi biên giới nước mình và có sự phân tầng hoạt động. Điều đó là rõ ràng khi dòng FDI vào các nước đang phát triển ở châu Á chủ yếu là từ châu Á. Các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp ở nước ngoài không phải là hành động riêng lẻ, mà có sự phối hợp với nhau và chịu sự điều phối của tổ chức tư bản thống trị ở nước đó. Khi thâm nhập vào một nước nào đó, các tổ chức này thi hành nhiều biện pháp và thủ đoạn khác nhau, từ việc nắm được các công cụ điều hành kinh tế vĩ mô tới việc mua chuộc, khống chế các công chức và doanh nghiệp ở các nước sở tại. Việc cấp học bổng cho con em công chức và nhà doanh nghiệp đi học ở nước ngoài có vẻ bề ngoài là hữu hảo với nhau, nhưng thực chất đó là hành động bắt giữ con tin. Nếu viên chức hay doanh nghiệp đó có những hành động đi ngược lại lợi ích của tổ chức thì con em của người đó đang ở nước ngoài liệu có an toàn hay không?

Với những nước có tư bản hậu công nghiệp hùng hậu, quá trình tư bản thâm

nhập và tác động vào đời sống xã hội trở thành điều buộc người ta phải tính đến, và trở thành trạng thái tâm lý thường trực trong dân cư, nhưng ở các nước đang phát triển thì điều này không trở thành trạng thái thường trực trong dân cư. Làm thế nào để phát triển thị trường trong nước để các nhu cầu trở thành thường xuyên được tái tạo lại, trở thành những nguồn lực tác động mạnh đến xã hội? Giao tiền cho người dân thì nhu cầu đó có được tái tạo hay không và người dân có cách thu tiền về hay không, để lập đi lập lại chu trình đó. Người dân có những thu nhập mới bằng cách tham gia thị trường hay là sẽ tiêu dùng đồng tiền đó chỉ một lần. Người dân không làm được ra tiền, nhưng cần phải đào tạo những người biết làm ra tiền và huy động được những người khác làm ra tiền. Vậy làm thế nào để tái tạo được những nhu cầu và hút tiền về để giải quyết được những nhu cầu. Trong nội bộ của một nước có cách nào không. Xoá đói giảm nghèo thì đều được cả, khi họ biết phát triển từ đất để tạo ra được các sản phẩm mà có thể được thu mua và buôn bán, và thu được số tiền như thế trở về, từ đó phát triển được sang những lĩnh vực khác, mở mang được những nhu cầu khác. Đây không phải chỉ dừng lại ở các sản phẩm, mà còn những thứ phi vật thể nhưng đem lại tiền cho họ như thế nào? Làm thế nào liên tục có người mang tiền đến cho họ vay? Đó là một công trình chung của xã hội, một doanh nghiệp làm không được nhưng toàn thể doanh nghiệp thì lại làm được với tín dụng tiêu dùng cho người dân như vậy.

Vấn đề hiện nay là các tầng mức của các tạo phẩm phi vật thể ở một nước còn nghèo thì ít hơn nhiều các tầng mức của các tạo phẩm phi vật thể ở một nước phát triển. Tư bản hậu công nghiệp gắn liền với sự sáng tạo. Làm thế nào để phát triển được các tầng mức phi vật thể trong xã hội nhanh chóng đạt được các tầng mức như ở các nước phát triển? Điều này phụ thuộc vào nước đang phát triển có những nguồn nhân lực nào để làm được công việc đó hay không.

Làm sao có thể nhanh chóng đào tạo được các nhà vạch chính sách thông hiểu được các góc ngách của nền kinh tế thị trường trong một nước còn ở trình độ thấp về kinh tế thị trường? Làm thế nào luật pháp lại phát triển nhanh tương xứng được? Có rất nhiều dạng phi vật thể đòi hỏi người ta phải tạo ra nhưng không thể nhanh chóng được, bởi vì không tính đến những vấn đề truyền thống dân tộc mà có các bước phát triển thích đáng, thì chúng có thể dẫn đến phá hoại chứ không thể tạo nên được kết hợp mới nếu không thực hiện được một sự đồng bộ nhất định với những vấn đề của toàn bộ sự phát triển xã hội.

Các nước phát triển tạo nên những rào cản mới khiến cho các nước đang phát triển phải mất thêm nhiều đồng vốn và năng lực để vượt qua các rào cản đó. Chẳng hạn trực tiếp như quyết định của chính phủ về các tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn, lao động ngày càng được nâng cao, gián tiếp là các luật lệ để cho các công ty, các tổ chức, các hội đoàn, vì lợi ích của chính mình mà tiến hành các biện pháp như việc kiện tụng của các công ty ở các nước đang phát triển.

Tốc độ gia tăng nhanh các loại tư bản hậu công nghiệp làm doãng rộng ra khoảng cách giàu nghèo của các quốc gia, và sự thâm nhập những tư bản đó vào mỗi nước cũng làm tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo trong mỗi nước đó.

Các nước nghèo lại phải đối phó với những nguy cơ chảy máu chất xám, khi những người con ưu tú lại sống và hoạt động ở nước ngoài (trong khi thiếu rất nhiều chuyên gia có năng lực hoạch định chính sách), có nhiều vấn đề trong nội tại không được nghiên cứu kỹ. Đặc biệt do nước nghèo không thấy được những tư bản mới, không đánh giá hết được tác động của chúng, nên khi chúng gây tác động thì nhiều tài sản quốc gia bị mất.

2. Cơ hội

Mỗi khi có quan niệm mới về điều hành kinh tế thì có những cơ hội mới cho nhiều

nước vươn lên. Nếu như trong thế kỷ XX, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước thua trận phải bồi thường chiến tranh, thì sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thay vì bắt các nước thua trận bồi thường chiến tranh thì Mỹ lại có kế hoạch Marshall khôi phục lại châu Âu và Nhật Bản sau chiến tranh. Nếu không có sự trợ giúp của tư bản phương Tây thông qua hoạt động FDI thì Trung Quốc không thể phát triển nhanh và liên tục như trong thời gian vừa qua. Điều đó có nghĩa là gì, vì tại sao một nước cộng sản lại được các nước phương Tây giúp cho tăng cường sức mạnh kinh tế đến như vậy nếu như không có những quan điểm mới về kinh tế siêu vĩ mô ở Mỹ và các nước phương Tây?

Hiện nay có những quan niệm về điều hành kinh tế siêu vĩ mô, nên có những cơ hội lớn cho các nước đang phát triển tiến hành nhanh chóng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, xoá đói giảm nghèo, trong đó FDI là một yếu tố rất quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển.

Tư bản hậu công nghiệp đang làm những việc xác định lại giá trị tư bản, đưa những cách đánh giá lại những tư bản đã có và hiện có, nên những nước đang phát triển có những lợi thế nhiều hơn những đánh giá trước đây, vấn đề là phải tìm cách làm bộc lộ ra những ưu thế đó và phát triển các ưu thế đó.

Sự phát triển đa dạng là điều mà thích hợp với sự gia tăng của tư bản hậu công nghiệp, mà trong những việc này, mỗi quốc gia có rất nhiều việc mà tự mình phải giải quyết, các thế lực bên ngoài không dễ gì thâm nhập vào được. Chẳng hạn từ những vấn đề văn hóa như bảo tồn bản sắc văn hóa, duy trì các truyền thống dân tộc, tới những vấn đề an ninh như chống khủng bố là công việc của mỗi quốc gia, quốc gia nào cũng phải quan tâm mà tự mình phải giải quyết, với sự hỗ trợ của các nước khác.

Vấn đề chủ quyền quốc gia được bảo vệ bằng những hệ thống luật lệ khác biệt,

nhưng vấn đề là các hệ thống luật kinh tế trở nên nhất quán với nhau, và việc phát triển thị trường là điều mà người ta mong đợi. Việc tập trung sức mạnh của các quốc gia thích ứng với những biến động của nền kinh tế thế giới, phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo là công việc của các chính phủ. Việc tạo các cơ sở để cho tư bản hậu công nghiệp hoạt động mang tính địa phương là công việc của các chính phủ. Đó là cơ hội để phát triển công nghiệp hóa. Vấn đề là trên đà công nghiệp hóa đã đạt được những thành quả nhất định, thì tư bản hậu công nghiệp của chủ thể nào tiếp quản các thành tựu đó?

3. Đối sách của các nước đang phát triển

Các nước đang phát triển cần có những đối sách để lợi dụng tiến trình toàn cầu hóa và những tác động mới của tư bản hậu công nghiệp nhằm phục vụ cho sự phát triển của mình.

Một môi trường ổn định làm ăn lâu dài là điều mọi tư bản đều cần. Các chính sách bảo vệ tư bản và người lao động là điều cần thiết để đẩy nhanh tiến trình hội nhập. Một khi đẩy nhanh tiến trình hội nhập, là một bộ phận của nền kinh tế với các nước có liên quan. Đó là điều mà nước Mỹ đang cần.

Các nước đang phát triển phải tìm ra được những gì mà tư bản hậu công nghiệp sẽ biến thành tư bản mà sẽ đem lại sự bùng phát cho sự phát triển của mình. Thấy được những thứ mà mình đã có mà chưa được đánh giá đúng mức theo góc độ tư bản hậu công nghiệp, có biện pháp kiểm soát nắm giữ để tiếp nhận được giá trị mới khi điều kiện đến.

Hiển nhiên rằng những nước nào có mức gia tăng tư bản hơn là mức truyền thống thì có khả năng thu hút những dòng tư bản mạnh nhất đầu tư vào đó. Vì thế dòng đầu tư nước ngoài vào những nước phát triển với nhau chiếm phần lớn dòng đầu tư của thế giới. Mỗi nước cần có được những tạo

phẩm phi vật thể nội địa mang tính đặc thù để nâng lên những giá trị khác. Nhưng nhà nước bị hạn chế trong việc định giá các hoạt động cung cấp dịch vụ công của mình đối với xã hội, thậm chí nhiều lúc phải điều tiết giảm, thực hiện thất lưng buộc bụng. Điều mà xã hội có thể chấp nhận sự gia tăng mới là đem lại những kết hợp mới, mà tùy theo tình trạng văn minh, lúc này có những yếu tố tăng vọt lên, lúc khác có yếu tố khác đóng vai trò nổi bật.

Mỗi nước cần phải giải quyết những vấn đề kinh tế do lịch sử để lại, vì chúng liên quan tới những nhóm lợi ích khác nhau trong xã hội, mà không phải giải quyết được một sớm một chiều, đặc biệt là cách ứng xử với các tập đoàn kinh tế có vai trò trọng yếu trong nền kinh tế quốc gia đã được hình thành trong quá khứ. Người ta phải giải quyết các vấn đề nội lực liên quan tới ngoại lực. Sự hoạt động của một đại tập đoàn liên quan tới toàn bộ đời sống kinh tế xã hội, và hiện nay, ở các nước đang phát triển, các tập đoàn cần có môi trường hoạt động mới trong tiến trình hội nhập toàn cầu hóa.

Tiến trình tác động của tư bản hậu công nghiệp và những điều hành kinh tế siêu vĩ mô khiến cơ cấu kinh tế của các nước đang phát triển thay đổi nhanh chóng và trở thành một vấn đề nổi bật trong các nước đang phát triển. Cơ cấu kinh tế của một nước đang phát triển phải tính tới sự đột biến, và sự di trú tính đột biến từ các nước phát triển sang nước mình. Có làm được như vậy mới bảo đảm được sự phát triển bền vững thích ứng được với những biến động, và nhanh chóng vượt qua những cuộc khủng hoảng từ bên ngoài gây ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, T 20, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội 1994.
 2. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, T 3, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội 1995.
 3. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, T 23, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội 1993.
 4. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, T 24, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội 1994.
 5. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, T 25, Phần 1, 2, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội 1994.
 6. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, T 26, Phần 1, 2, 3, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội 1995.
 7. V.I. Lê-nin, Toàn tập, T 23, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980
 9. V.I. Lê-nin, Toàn tập, T 27, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980
 10. V.I. Lê-nin, Toàn tập, T 29, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981
 11. Bertrand Russell, Quyển lược, người dịch: Nguyễn Vương Chấn, Đàm Xuân Cận, Nxb Hiện đại, Sài Gòn 1972, tr 159.
 12. Nguyễn Bình Giang. Bản chất kinh tế thị trường hiện đại. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 312; 5-2004; số 313, 6-2004.
 13. Thinkers of the twentieth century, Second edition, Editor Roland Turner. St. James Press, Chicago and London. 1989.
 14. Thierry de Montbrial, Pierre Jacquet (chủ biên). Thế giới toàn cảnh ramises 2001. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội. 2001.
 15. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế. Các số từ 1-1999 tới 3-2005.
 16. Tạp chí Triết học; Tạp chí Tài chính; Tạp chí Ngân hàng; Tạp chí Những vấn đề Kinh tế thế giới; Các số từ 1-1999 tới 3-2005.
 17. Tạp chí Thế giới mới; Tạp chí Kiến thức ngày nay. Những bài viết về kinh tế và khoa học trong các số từ 1-1999 tới 3-2005.
 18. Các báo Thời báo Kinh tế Việt Nam, Khoa học và công nghệ, Thể thao và văn hóa. Những bài viết về kinh tế và khoa học trong các số từ 1-1999 tới 3-2005.
 19. Danny T. Quah, Người đưa tin Unesco, số 12-1998.
- V.v...